

Số: 4227/QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành Văn hoá,
Thể thao và Du lịch giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn 2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn 2030 (gọi tắt là Chiến lược) với các nội dung:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển khoa học và công nghệ phải thực sự trở thành động lực phát triển của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch, gắn liền với nhiệm vụ quản lý nhà nước, phát triển sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.

2. Thực hiện đồng bộ 3 nhiệm vụ: đổi mới cơ chế, chính sách phát triển khoa học và công nghệ, tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ; gắn nghiên cứu với ứng dụng, góp phần thực hiện các chiến lược và chính sách; giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra, thúc đẩy phát triển sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.

3. Tăng cường đầu tư từ nguồn ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đi đôi với việc đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển khoa học và công nghệ. Ưu tiên cho những nhiệm vụ đột phá mang tính trọng tâm trong giai đoạn đến năm 2020.

4. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho sáng tạo, sáng chế, phát minh khoa học và công nghệ gắn với nghiên cứu và đào tạo. Thúc đẩy việc tạo lợi ích về kinh tế từ kết quả nghiên cứu ứng dụng đi đôi với việc tăng cường

quản lý và thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ nói chung, quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.

5. Tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế bảo đảm độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia, bình đẳng và cùng có lợi, đẩy mạnh thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước, nâng cao chất lượng hoạt động khoa học và công nghệ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đến năm 2020, hoạt động khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực phát triển văn hóa, thể thao và du lịch gắn với nhiệm vụ quản lý nhà nước, tạo điều kiện sáng tạo, sáng chế, phát minh và ứng dụng; gắn ứng dụng khoa học và công nghệ với đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nhằm phục vụ các mục tiêu chung của Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và các Chiến lược phát triển của ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

2. Các mục tiêu cụ thể

2.1. Hoàn thiện cơ bản hệ thống cơ chế chính sách về hoạt động khoa học và công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho các sáng tạo, sáng kiến, phát minh, các ứng dụng trong hoạt động văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.

2.2. Nâng cao năng lực của các tổ chức khoa học công nghệ hiện có, hình thành mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ đủ mạnh để triển khai thực hiện các đề tài, dự án cấp Nhà nước, chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, tham gia hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

2.3. Phấn đấu giai đoạn từ 2013 đến năm 2020, đề xuất đưa vào thực hiện mỗi năm từ 2 đến 3 đề tài, dự án cấp Nhà nước, chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ; số đề tài độc lập cấp Bộ tăng 20-25% so với năm 2012, trong đó 100% đề tài, dự án, chương trình có tác động tích cực trong thực tiễn, trong đó 50% là các nghiên cứu ứng dụng; có các công trình khoa học được công bố quốc tế và tăng số lượng sáng chế đăng ký bảo hộ.

2.4. Tăng mức đầu tư ngân sách nhà nước hàng năm cho hoạt động khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh xã hội hóa và huy động các nguồn vốn khác.

III. ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NGÀNH VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

1. Kiện toàn và củng cố hệ thống tổ chức, cơ chế quản lý, hoạt động khoa học và công nghệ ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1.1. Kiện toàn hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ

a) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước, không trùng chéo với hoạt động sự nghiệp trên cơ sở phân cấp và quy định rõ trách nhiệm; tăng cường

sự chỉ đạo và điều phối của Bộ đối với Tổng cục Du lịch, Tổng cục Thể dục thể thao và các đơn vị trực thuộc Bộ trong hoạt động khoa học và công nghệ.

Tùy theo điều kiện và nhu cầu, thành lập tại các trường đại học, các Viện nghiên cứu gắn liền với nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực.

b) Tổ chức khoa học và công nghệ thuộc các Bộ, ngành, địa phương

Phối hợp các Bộ, ngành khác và địa phương (cấp Tỉnh) phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ liên quan đến các lĩnh vực văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch phục vụ mục tiêu Chiến lược khoa học và công nghệ quốc gia và các Chiến lược phát triển văn hoá, gia đình, thể dục thể thao và du lịch.

1.2. Về cơ chế quản lý, hoạt động khoa học và công nghệ

Hoàn thiện cơ chế tuyển chọn, đánh giá và nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ một cách thực chất, khách quan; phát huy đầy đủ vai trò của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ các cấp.

Xây dựng nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở đặt hàng của cơ quan quản lý nhà nước và đề xuất của các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý; chú trọng yêu cầu phải có sản phẩm và địa chỉ ứng dụng cụ thể.

Hướng dẫn doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp có thu trích tỷ lệ thích hợp kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ; tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ nguồn kinh phí nhà nước hoặc được hỗ trợ một phần kinh phí để thực hiện nghiên cứu và phát triển sản phẩm khoa học và công nghệ theo nhu cầu của doanh nghiệp, đơn vị.

Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của pháp luật.

Đổi mới phương thức triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng liên kết, phối hợp giữa các tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Thành lập và đưa vào hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trực thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch theo quy định của pháp luật.

2. Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ

2.1. Phát triển nguồn nhân lực

Quy hoạch và đào tạo phát triển nguồn nhân lực theo hướng đồng bộ, cân đối trên từng lĩnh vực, chuyên ngành phù hợp mục tiêu Đề án “Xây dựng đội ngũ trí thức ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch đến năm 2020” và Chiến lược phát triển nguồn nhân lực văn hoá, thể thao và du lịch phục vụ cho nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

Đổi mới cơ chế quản lý nhân lực khoa học và công nghệ nhằm giải phóng tiềm năng, phát huy tính chủ động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, các nhà khoa học, kỹ thuật viên lành nghề; hình thành các tập thể khoa học và công nghệ mạnh, đủ sức giải quyết những nhiệm vụ khoa học và công nghệ mang tầm quốc gia do thực tiễn phát triển văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch đặt ra.

Khuyến khích các cơ sở đào tạo, các Viện khoa học ngoài Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các doanh nghiệp tham gia trực tiếp vào quá trình đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.

Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học cho một số tỉnh, thành phố, tạo nguồn nhân lực tại chỗ và kết nối mạng lưới nghiên cứu trong ngành, giữa các cơ quan Trung ương với địa phương, giữa các địa phương với nhau.

2.2. Phát triển cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ

Xây dựng quy hoạch đầu tư phát triển đồng bộ cơ sở vật chất kỹ thuật của các tổ chức khoa học công nghệ công lập thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tiến bộ kỹ thuật và góp phần tích cực trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Đầu tư nâng cấp Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Viện Khoa học Thể dục thể thao và Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo của các cơ sở này.

Đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm trong lĩnh vực bảo tồn di tích, trong đào tạo vận động viên thành tích cao tại các Trung tâm huấn luyện quốc gia.

Tăng cường trang thiết bị các phòng thí nghiệm, thử nghiệm để đáp ứng nghiên cứu khoa học và dịch vụ khoa học và công nghệ.

3. Định hướng nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch

3.1. Lĩnh vực văn hóa, gia đình

a) Nghiên cứu khoa học

- Xây dựng các chương trình nghiên cứu mang tính lý luận, làm rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng ta về xây dựng con người Việt Nam, phát triển nền văn hóa Việt Nam theo định hướng về lý luận trong bối cảnh cả nước đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Nghiên cứu các vấn đề về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc gắn với phát triển kinh tế-xã hội và hội nhập quốc tế.

- Nghiên cứu các vấn đề về chính sách và cơ chế quản lý nhằm thu hút đầu tư cho các lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.

- Nghiên cứu về hoạt động, tổ chức và biện pháp để phát triển đời sống văn hóa cộng đồng.

- Nghiên cứu các vấn đề nhằm phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực nghệ thuật; nghiên cứu các vấn đề quản trị cho các tổ chức nghệ thuật.

- Nghiên cứu các vấn đề về giao lưu và hội nhập văn hóa nhằm giới thiệu, quảng bá văn hóa nghệ thuật và con người Việt Nam.

- Nghiên cứu về an ninh văn hoá trong điều kiện hiện nay.

- Nghiên cứu các yếu tố văn hóa trong gia đình nhằm nâng cao nhận thức về phòng, chống bạo lực gia đình, gắn với phong trào xây dựng gia đình văn hoá trong các khu dân cư; nghiên cứu các giá trị đạo đức, lối sống, cách ứng xử văn hóa trong gia đình; nghiên cứu các vấn đề gia đình đa văn hóa, có yếu tố nước ngoài.

- Nghiên cứu quản lý nhà nước về gia đình và các dịch vụ công thuộc lĩnh vực gia đình.

b) Phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ

- Phát triển hệ thống dữ liệu thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và tự động hóa trong các lĩnh vực di sản văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, thư viện.

- Ứng dụng công nghệ hệ thống GIS trong quản lý và khai thác thông tin về di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ số hóa trong công tác bảo tồn di sản văn hóa, văn học nghệ thuật, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, thư viện, văn hóa cơ sở, văn hóa các dân tộc thiểu số, bản quyền tác giả.

- Hoàn thiện hệ thống dữ liệu về gia đình, bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình; giá trị đạo đức, lối sống, cách ứng xử trong gia đình; quản lý nhà nước về gia đình và các dịch vụ công thuộc lĩnh vực gia đình.

3.2. Lĩnh vực thể dục, thể thao

a) Nghiên cứu khoa học

- Nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ để phát triển thể dục, thể thao cho mọi người nhằm nâng cao thể chất người Việt Nam.

- Nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ để tuyển chọn và đào tạo tài năng thể thao; thực hiện giám định khoa học đối với công tác huấn luyện thể thao, đối với vận động viên năng khiếu thể thao trẻ và vận động viên trình độ cao, đặc biệt đối với vận động viên các môn thể thao trọng điểm quốc gia. Ứng dụng công nghệ số hóa để nghiên cứu kỹ thuật từng môn thể thao.

- Nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe đối với vận động viên thể thao thành tích cao, chú trọng đối với vận động viên trọng điểm quốc gia (phòng ngừa, điều trị chấn thương, dinh dưỡng và hồi phục, phòng, chống doping).

- Nghiên cứu phát triển kinh tế thể dục, thể thao trong đó chú trọng phát triển công nghiệp thể thao nhằm tăng cường nguồn vốn phát triển sự nghiệp của ngành, phát triển các doanh nghiệp trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

- Phát triển thể dục, thể thao giải trí gắn với các hoạt động văn hóa và du lịch.

- Đẩy mạnh hợp tác giao lưu quốc tế, thông tin truyền thông về khoa học công nghệ và y học thể thao.

- Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành thể dục, thể thao.

b) Phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ

- Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, đào tạo huấn luyện vận động viên và những người tham gia hoạt động thể dục, thể thao.

- Ứng dụng công nghệ y sinh học hiện đại phục vụ công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên các môn thể thao thành tích cao, hồi phục chức năng, điều trị chấn thương trong tập luyện và thi đấu.

- Áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật và ứng dụng công nghệ hiện đại trong các phòng thí nghiệm, trung tâm phòng, chống doping phục vụ công tác thể dục, thể thao đạt chuẩn quốc tế.

3.3. Lĩnh vực du lịch

a) Nghiên cứu khoa học

- Nghiên cứu quản lý và khai thác có hiệu quả và trách nhiệm tài nguyên du lịch.

- Nghiên cứu triển khai các mô hình dự báo phát triển du lịch.

- Nghiên cứu xây dựng các tiêu chí và phương pháp thống kê du lịch, đặc biệt nghiên cứu ứng dụng và triển khai trong thực tế mô hình “Tài khoản vệ tinh du lịch”.

- Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật đối với các lĩnh vực: quy hoạch; xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; phát triển các khu du lịch, điểm du lịch; phương tiện vận chuyển khách du lịch; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch và hình thành cơ chế giám sát tiêu chuẩn chất lượng.

- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm du lịch quốc gia, đặc trưng theo vùng du lịch góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch Việt Nam và xây dựng thương hiệu du lịch.

- Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu đối với hoạt động phát triển du lịch và các giải pháp ứng phó (thích ứng và giảm thiểu).

- Nghiên cứu phát triển du lịch trong mối quan hệ với bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, chú trọng đối với di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, giá trị văn hóa truyền thống làng quê Việt và văn hóa các dân tộc ít người; phát triển du lịch trong mối quan hệ với phát triển thể thao: các loại hình du lịch thể thao mạo hiểm; gắn với các sự kiện thể thao; phát triển du lịch trong mối quan hệ với các khu bảo tồn thiên nhiên, các rừng quốc gia.

b) Phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin trong ngành du lịch đạt trình độ của khu vực và quốc tế.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, kinh doanh và xúc tiến quảng bá du lịch.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ GIS và viễn thám trong điều tra, quản lý tài nguyên và môi trường du lịch; trong quy hoạch phát triển du lịch.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ “xanh” trong phát triển sản phẩm, xây dựng, vận hành các công trình dịch vụ và hoạt động bảo vệ môi trường du lịch.

4. Phát triển dịch vụ khoa học và công nghệ ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch

4.1. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phòng thử nghiệm

Phát triển hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo hướng hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực. Ưu tiên xây dựng những tiêu chuẩn quốc gia cho các sản phẩm chủ lực, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (sản phẩm hàng hóa nhóm 2).

Xây dựng một số phòng, trung tâm nghiên cứu thử nghiệm, ứng dụng khoa học và công nghệ trong ngành để đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, dịch vụ phân tích các chỉ tiêu - định mức kinh tế kỹ thuật, chất lượng, an toàn của các sản phẩm để cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp và người sản xuất, phục vụ công tác quản lý và nghiên cứu khoa học, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, tăng thu nhập cho tổ chức và cá nhân. Nâng cao năng lực một số phòng thử nghiệm ngành thành phòng kiểm chứng quốc gia và khu vực.

4.2. Thông tin khoa học và công nghệ ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tăng cường đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa các cơ sở thông tin khoa học và công nghệ hiện có trong các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch, từng bước đạt trình độ khu vực và quốc tế; khai thác có hiệu quả các nguồn thông tin khoa học và công nghệ trong và ngoài nước.

Tăng cường phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ, các mô hình ứng dụng thành công các tiến bộ kỹ thuật, quy trình công nghệ mới trong các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRỌNG ĐIỂM ƯU TIÊN THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2013-2020, TẦM NHÌN 2030

1. Về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ

1.1. Lĩnh vực văn hóa, gia đình

- Chương trình nghiên cứu cụ thể hóa những kết luận sau Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII.

- Chương trình nghiên cứu bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới.

- Chương trình nghiên cứu cụ thể hóa chủ trương văn hóa trong kinh tế, kinh tế trong văn hóa.

- Chương trình nghiên cứu bảo vệ và phát huy văn hoá biển đảo quốc gia.

- Đề án phát triển “Công nghiệp văn hoá” Việt Nam.

- Đề án ứng dụng một số công nghệ hiện đại trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Đề án xây dựng mô hình thiết chế văn hóa cơ sở cho các vùng miền (đô thị, đồng bằng, miền núi và hải đảo).

- Chương trình nghiên cứu, đề xuất giải pháp nhằm kế thừa, phát huy các giá trị, đạo lý tốt đẹp của gia đình Việt Nam truyền thống; tiếp thu có chọn lọc các giá trị tiên tiến của gia đình trong xã hội phát triển, hạn chế những tác động tiêu cực trong xã hội hiện đại đối với gia đình Việt Nam.

- Đề án nhân rộng các mô hình tốt và tiếp tục xây dựng các mô hình mới về gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình.

1.2. Lĩnh vực thể dục, thể thao

- Chương trình nghiên cứu quản lý và phát triển thể thao chuyên nghiệp đến năm 2030.

- Đề án tổng thể phát triển công nghiệp thể thao đến năm 2030.

1.3. Lĩnh vực du lịch

- Chương trình nghiên cứu xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng, chú trọng đối với các sản phẩm du lịch sinh thái và văn hóa theo các vùng du lịch.

- Chương trình nghiên cứu xây dựng mô hình dự báo phát triển du lịch.

- Đề án nghiên cứu ứng dụng công nghệ GIS và viễn thám trong quản lý tài nguyên và môi trường.

- Đề án nghiên cứu ứng dụng công nghệ "xanh" trong phát triển sản phẩm du lịch.

- Đề án xây dựng tiêu chí thống kê du lịch nội địa ở Việt Nam.

2. Về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

- Đề án xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch theo hướng hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.

- Đề án xây dựng danh mục các tổ chức đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm hàng hóa nhóm 2 ngành văn hoá, thể thao và du lịch trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường.

3. Về đầu tư cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ, khai thác tiềm lực khoa học và công nghệ thuộc quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

- Chương trình kiện toàn và tổ chức khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về hoạt động khoa học và công nghệ của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Dự án đầu tư phát triển cơ sở vật chất Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam xứng tầm các nước đứng đầu Châu Á.

- Chương trình đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện nhằm nâng cao năng lực hoạt động của các viện, học viện đầu ngành.

V. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Cơ chế, chính sách

- Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ hiện nay theo hướng hình thành cơ chế quản lý mới phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với yêu cầu chủ động hội nhập quốc tế và với đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ; tách biệt về quản lý giữa khu vực hành chính và khu vực sự nghiệp trong hệ thống khoa học và công nghệ để có cơ chế quản lý phù hợp với mỗi khu vực.

- Phát triển thị trường khoa học và công nghệ gắn với thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ, thúc đẩy ứng dụng kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tại các cơ quan, đơn vị.

- Bên cạnh sự tham gia các nhà khoa học, doanh nghiệp, cần phải tăng cường vai trò các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với các chính sách, chương trình, dự án phát triển khoa học và công nghệ ở những lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của Bộ.

- Cải tiến chế độ tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: nghiên cứu áp dụng cơ chế khoán thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ; cải tiến thủ tục thanh quyết toán tài chính theo hướng đơn giản hóa nhưng đảm bảo quản lý chặt chẽ sản phẩm đầu ra theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng một số chính sách cụ thể mang tính đặc thù của ngành văn hóa, thể thao và du lịch để tạo động lực cho các cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, trọng dụng và tôn vinh các nhà khoa học đầu ngành, có trình độ và có nhiều công hiến cho sự nghiệp nghiên cứu khoa học và công nghệ.

- Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn viện trợ, đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, có chính sách khen thưởng và kỷ luật đối với việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại địa phương trong thực hiện chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành phù hợp với nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ, và trình độ phát triển kinh tế-xã hội địa phương.

2. Phát triển nguồn lực khoa học và công nghệ

- Xây dựng lộ trình từng bước hình thành thị trường lao động khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch, phù hợp với xu thế và định hướng phát triển khoa học và công nghệ của đất nước trong bối cảnh hội nhập. Nâng cao trình độ ngoại ngữ, tăng cường kỹ năng làm việc theo nhóm, đẩy mạnh tính liên kết, cộng đồng trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học.

- Huy động tối đa và hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia trực tiếp vào quá trình đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch, nhất là khu vực kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

- Tăng cường đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa các cơ sở thông tin khoa học và công nghệ hiện có trong các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch, từng bước đạt trình độ khu vực và quốc tế.

- Thực hiện triển khai Đề án “Xây dựng đội ngũ trí thức ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch đến năm 2020” và Chiến lược phát triển nguồn nhân lực văn hoá, thể thao và du lịch 2011-2020.

3. Tăng cường hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ

- Đa dạng hóa đối tác và hình thức hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, lựa chọn đối tác chiến lược, gắn kết giữa hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ với hợp tác quốc tế về phát triển văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch. Tranh thủ tối đa các kênh chuyển giao công nghệ hiện đại từ nước ngoài, đặc biệt là kênh đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), hợp tác nghiên cứu khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.

- Xây dựng một số chính sách cụ thể nhằm thu hút chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia người nước ngoài có trình độ cao trong các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch đến Việt Nam tham gia nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn đối với những vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của các ngành.

- Hỗ trợ và tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ trong hợp tác quốc tế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

a) Tổ chức phổ biến, hướng dẫn và xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược; kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện Chiến lược và định kỳ hàng năm báo cáo Bộ trưởng; tổ chức sơ kết việc thực hiện Chiến lược trong toàn quốc vào đầu năm 2020 và tổng kết vào đầu năm 2031.

b) Hàng năm, hướng dẫn xây dựng và tổng hợp kế hoạch, các nguồn lực tổ chức triển khai các chương trình, đề án, dự án đảm bảo thực hiện được các mục tiêu đặt ra của chiến lược.

2. Vụ Kế hoạch, Tài chính phối hợp Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, các Cục, Vụ thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thể dục thể thao, Tổng cục Du lịch xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án đạt mục tiêu đề ra trong Chiến lược; trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định thực hiện đổi mới về tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

3. Vụ Đào tạo phối hợp Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trong triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng đội ngũ trí thức ngành

Văn hoá, Thể thao và Du lịch đến năm 2020” về các nội dung liên quan phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

a) Căn cứ định hướng nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ của Chiến lược đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật thực hiện nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án khoa học và công nghệ.

c) Ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào trong hoạt động của đơn vị mình.

5. Các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm, căn cứ định hướng phát triển khoa học và công nghệ trong Chiến lược này xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ và phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tại địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ (*để báo cáo*);
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở VH-TT-DL các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Website Bộ;
- Lưu: VT, KHCNMT, BT. 380.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Hoàng Tuấn Anh